PHỤ LỤC 2:
BẢNG ĐƠN GIÁ MỒ MẢ
(Ban hành kèm theo Quyết định số /2021/QĐ-UBND ngày / /2021 của UBND tỉnh)

TT	Danh mục	ĐVT	Đơn giá theo QĐ số 61/2019/QĐ-UBND (diễn giải) (đồng)	Hệ số áp dụng điều chỉnh (diễn giải)	Đơn giá sau khi điều chỉnh (đồng)	Làm tròn (đồng)
			a	b	c=axb	
A	**Mộ đất**					
1	Mộ đất bình thường	đồng/mộ	2,000,000	1.01902	2,038,030	2,038,000
2	Mộ đã cải táng	"	1,200,000	1.01902	1,222,818	1,223,000
B	**Mộ xây**					
1	Mộ xây bình thường: qui cách 1,4m x 2,6m, xây hộc bằng đá chẻ hoặc đá ong, có gắn tấm bia	"	3,842,000	1.01902	3,915,057	3,915,000
2	Mộ xây bình thường: xây hộc gồm 2 lớp đá chẻ, qui cách phổ biến 1,4mx2,6m; nhà bia nhỏ cao 0,8m, lọt lòng sâu 0,2m, gắn 1 tấm bia, ảnh men trắng đen, không có trụ, quét vôi hoàn chỉnh có sân nhỏ (hoặc các kiểu xây tương đương khác)	"	5,344,000	1.01902	5,445,617	5,446,000
3	Mộ xây kiên cố: qui cách xây dựng 1,4mx 2,6m, xây 3 lớp đá chẻ, giằng chân móng bằng sắt ở 2 đầu mộ, xây nhà bia và 2 trụ phí dưới chân mộ, phía trên đầu mộ xây bình phong cao hơn nhà bia 10cm, trát tường, quét vôi hoàn chỉnh, trát mạch hồ chân móng đá chẻ, kẻ rong màu chu. Có ốp 1 tấm bia và ảnh men, có sân nhỏ 0,6mx1,4m	"	9,352,000	1.01902	9,529,831	9,530,000
4	Mộ xây kiên cố: tiêu chuẩn giống như mộ xây kiên cố tại (mục 3) trên, nhưng có phần bê tông móng, ốp gạch men (hoặc đá rửa không hoàn chỉnh), có sân nhà bia.	"	13,359,000	1.01902	13,613,025	13,613,000

5	Mộ xây đặc biệt: tiêu chuẩn giống như mộ xây kiên cố tại (mục 3) trên, nhưng móng được đổ bêtông, có giằng sắt chịu lực, nhà bia có đúc mái bê tông, có lanh tô và đan mái, phía đầu mộ xây bình phong dày, ốp gạch men hoàn chỉnh toàn bộ, trừ phần móng đá chẻ, trát mạch hồ chân móng đá chẻ, có sân nhà bia. Có 2 câu liễn đối, 1 bảng số, 1 bảng tên, 2 cặp lân, búp sen bằng sứ.	"	20,038,000	1.01902	20,419,028	20,419,000
6	Mộ xây đặc biệt: giống như mục 5, nhưng:					
	- Ốp đá granit, loại đá đỏ	"	66,792,000	1.01902	68,062,067	68,062,000
	- Ốp đá granite, loại đá đen	"	40,076,000	1.01902	40,838,055	40,838,000
	- Ốp đá granite, loại đá vàng	"	30,057,000	1.01902	30,628,541	30,629,000